

Sở GD-ĐT Vĩnh Long
Trường THPT Hoàng Thái Hữu

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT - Năm học 2016-2017
Môn: Giáo dục công dân 12
Thời gian làm bài : 45 phút(không kể thời gian giao đề)
(Đề gồm có 40 câu trắc nghiệm)

Mã đề: 135

Câu 1. Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở:

- A. Tính hiện đại. B. Tính cơ bản.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. D. Tính truyền thống.

Câu 2. Cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là hình thức:

- A. Sử dụng pháp luật B. Thi hành pháp luật
C. Áp dụng pháp luật D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 3. Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ với nhau vì:

- A. Các quy tắc pháp luật cũng là các quy tắc đạo đức.
B. Cả pháp luật và đạo đức đều bảo vệ cái thiện, chống cái ác.
C. Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.
D. Cả pháp luật và đạo đức đều thể hiện sự công minh, công bằng, lẽ phải.

Câu 4. Loại văn bản nào sau đây không mang tính pháp luật:

- A. Pháp lệnh, Chỉ thị. B. Hiến Pháp.
C. Nội quy. D. Quyết định, thông tư.

Câu 5. Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm tới.....

- A. Quan hệ lao động, công vụ nhà nước. B. Tính mạng người khác.
C. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. D. Sức khỏe của người khác.

Câu 6. Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Vi phạm pháp luật hành chính B. Vi phạm dân sự.
C. Bị xử phạt vi phạm hành chính. D. Vi phạm pháp luật hình sự.

Câu 7. Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là:

- A. Từ đủ 14 tuổi trở lên. B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
C. Từ 14 tuổi trở lên. D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 8. Quan điểm nào sau đây sai khi nói về: Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật:

- A. Không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật.
B. Những người vi phạm nếu cùng độ tuổi thì xử lý như nhau.
C. Tạo ra các điều kiện đảm bảo cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.
D. Quy định quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp và luật

Câu 9. Cá nhân tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là hình thức:

- A. Áp dụng pháp luật B. Thi hành pháp luật
C. Sử dụng pháp luật D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 10. Cơ quan có quyền ban hành Hiến pháp, Luật.

- A. Chính phủ B. Quốc hội
C. Chủ tịch nước D. Thủ tướng.

Câu 11. Người kinh doanh chủ động thực hiện nghĩa vụ đóng thuế là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Áp dụng pháp luật B. Tuân thủ pháp luật.
C. Sử dụng pháp luật D. Thi hành pháp luật

Câu 12. Pháp luật có đặc trưng là.

- A. Tính quy phạm phổ biến.
B. Tính quy phạm phổ biến; Tính quyền lực bắt buộc chung và Tính ngắn gọn, chính xác.
C. Bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội

D. Tính quy phạm phổ biến; Tính quyền lực bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 13. Tội buôn bán ma túy thuộc loại vi phạm pháp luật nào?

- A.** Vi phạm hình sự và hành chính **B.** Vi phạm dân sự và hành chính.
C. Vi phạm hành chính **D.** Vi phạm hình sự.

Câu 14. Hành vi bịa đặt nói xấu, xúc phạm danh dự của người khác là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A.** Vi phạm dân sự. **B.** Vi phạm hình sự.
C. Vi phạm hành chính. **D.** Vi phạm kỉ luật và hành chính.

Câu 15. Pháp luật là?

A. Là những văn bản do nhà nước ban hành.
B. Là hệ thống quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

- C.** Là hệ thống quy tắc xử sự được hình thành theo điều kiện từng địa phương.
D. Hệ thống văn bản, nghị định do các cấp ban hành.

Câu 16. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở:

A. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
B. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

- C.** Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.
D. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.

Câu 17. Cho biết bản Hiến pháp hiện tại của nước ta là bản Hiến pháp năm:

- A.** Năm 2013 **B.** Năm 2014
C. Năm 2012 **D.** Năm 2015

Câu 18. Một cán bộ xã tự ý nghỉ việc 5 ngày không báo cho cơ quan là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A.** Vi phạm hành chính **B.** Vi phạm dân sự và hành chính.
C. Vi phạm kỉ luật và hành chính **D.** Vi phạm kỉ luật

Câu 19. Người phải chịu trách nhiệm hành chính do mọi vi phạm hành chính mà mình gây ra theo quy định của pháp luật có độ tuổi là:

- A.** Từ đủ 16 tuổi trở lên. **B.** Từ 18 tuổi trở lên.
C. Từ đủ 14 tuổi trở lên. **D.** Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 20. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:

- A.** Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần xã hội.
B. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo.
C. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, địa vị xã hội.
D. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.

Câu 21. Khái niệm pháp luật được hiểu là:

- A.** Quy tắc xử sự của cơ quan nhà nước **B.** Quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung.
C. Quy tắc xử sự của một cộng đồng người. **D.** Quy tắc xử sự, chỉ bắt buộc với một số người.

Câu 22. Trong các quy tắc sau đây, quy tắc nào là quy phạm pháp luật:

- A.** Phải biết yêu thương, giúp đỡ bạn bè. **B.** Phải biết kính trên, nhường dưới.
C. Phải biết giúp đỡ người nghèo. **D.** Đến ngã tư, khi gặp đèn đỏ phải dừng lại.

Câu 23. Tìm phát biểu sai trong các câu sau:

- A.** Quản lý xã hội bằng pháp luật đảm bảo tính dân chủ, công bằng.
B. Pháp luật được bảo đảm bằng quyền lực sức mạnh nhà nước.
C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý xã hội.
D. Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật.

Câu 24. Có mấy hình thức thực hiện pháp luật.

- A.** 3 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 5

Câu 25. Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

- A.** Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm).

- B. Quy định các bốn phận của công dân.
- C. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.
- D. Quy định các hành vi không được làm.

Câu 26. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ăn bớt ngân sách của nhà nước là hành vi:

- A. Thất thoát ngân sách.
- B. Lãng phí.
- C. Tiết kiệm ngân sách.
- D. Tham nhũng.

Câu 27. Cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt người điều khiển xe máy chạy quá tốc độ là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật
- D. Sử dụng pháp luật

Câu 28. Khi thuê nhà của ông T, ông A đã tự ý sửa chữa, cải tạo mà không hỏi ý kiến của ông T. Hành vi này của ông A là hành vi vi phạm:

- A. Dân sự.
- B. Hình sự.
- C. Kỉ luật.
- D. Hành chính.

Câu 29. Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thể hiện ý chí của:

- A. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- B. Nhà nước.
- C. Cán bộ công chức nhà nước.
- D. Giai cấp công nhân.

Câu 30. Ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác.

- A. Tính thống nhất của pháp luật.
- B. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật.
- C. Tính kế thừa của pháp luật.
- D. Tính khoa học của pháp luật.

Câu 31. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là:

- A. Công dân ở bất kì độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.
- B. Công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định pháp luật.
- C. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân dưới 18 tuổi không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 32. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật bao gồm:

- A. Là hành vi trái pháp luật.
- B. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.
- C. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ tuổi thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.
- D. Người vi phạm phải có lỗi.

Câu 33. Người tham gia giao thông vượt đèn đỏ là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A. Vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm dân sự và hành chính.

Câu 34. Pháp luật có vai trò như thế nào với công dân?

- A. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
- B. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.
- C. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- D. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.

Câu 35. Bản chất của pháp luật bao gồm.

- A. Bản chất giai cấp và bản chất xã hội
- B. Bản chất xã hội.
- C. Bản chất tự nhiên
- D. Bản chất tự nhiên và bản chất giai cấp.

Câu 36. Học sinh thực hiện quyền học tập của mình, cố gắng vươn lên trong học tập là thuộc hình thức:

- A. Sử dụng pháp luật
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật
- D. Áp dụng pháp luật

Câu 37. Công dân bình đẳng trước pháp luật là:

- A. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.
- B. Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.
- C. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

D. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Câu 38. Văn bản nào dưới đây là văn bản quy phạm pháp luật:

- A.** Văn bản có chứa quy phạm pháp luật.
- B.** Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành.
- C.** Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- D.** Văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành.

Câu 39. Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

- A.** Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- B.** Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh.
- C.** Bình đẳng về quyền lao động.
- D.** Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh.

Câu 40. Chỉ ra đâu là văn bản quy phạm pháp luật:

- A.** Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- B.** Điều lệ Hội luật gia Việt Nam.
- C.** Luật Hôn nhân và Gia đình.
- D.** Nội quy nhà trường.

Hết.

Sở GD-ĐT Vĩnh Long
Trường THPT Hoàng Thái Hữu

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT - Năm học 2016-2017
Môn: Giáo dục công dân 12
Thời gian làm bài : 45 phút(không kể thời gian giao đề)
(Đề gồm có 40 câu trắc nghiệm)

Họ và tên học sinh :Lớp:.....

Mã đề: 169

Câu 1	A	B	C	D	Câu 2	A	B	C	D	Câu 3	A	B	C	D	Câu 4	A	B	C	D
Câu 5	A	B	C	D	Câu 6	A	B	C	D	Câu 7	A	B	C	D	Câu 8	A	B	C	D
Câu 9	A	B	C	D	Câu 10	A	B	C	D	Câu 11	A	B	C	D	Câu 12	A	B	C	D
Câu 13	A	B	C	D	Câu 14	A	B	C	D	Câu 15	A	B	C	D	Câu 16	A	B	C	D
Câu 17	A	B	C	D	Câu 18	A	B	C	D	Câu 19	A	B	C	D	Câu 20	A	B	C	D
Câu 21	A	B	C	D	Câu 22	A	B	C	D	Câu 23	A	B	C	D	Câu 24	A	B	C	D
Câu 25	A	B	C	D	Câu 26	A	B	C	D	Câu 27	A	B	C	D	Câu 28	A	B	C	D
Câu 29	A	B	C	D	Câu 30	A	B	C	D	Câu 31	A	B	C	D	Câu 32	A	B	C	D
Câu 33	A	B	C	D	Câu 34	A	B	C	D	Câu 35	A	B	C	D	Câu 36	A	B	C	D
Câu 37	A	B	C	D	Câu 38	A	B	C	D	Câu 39	A	B	C	D	Câu 40	A	B	C	D

Câu 1. Công dân bình đẳng trước pháp luật là:

- A. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.
- B. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.
- C. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.
- D. Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

Câu 2. Cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt người điều khiển xe máy chạy quá tốc độ là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Thi hành pháp luật
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật
- D. Sử dụng pháp luật

Câu 3. Hành vi bịa đặt nói xấu, xúc phạm danh dự của người khác là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A. Vi phạm hình sự.
- B. Vi phạm hành chính.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỷ luật và hành chính.

Câu 4. Tội buôn bán ma túy thuộc loại vi phạm pháp luật nào?

- A. Vi phạm hình sự.
- B. Vi phạm dân sự và hành chính.
- C. Vi phạm hình sự và hành chính.
- D. Vi phạm hành chính.

Câu 5. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở:

- A. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.
- B. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
- C. Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.
- D. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

Câu 6. Văn bản nào dưới đây là văn bản quy phạm pháp luật:

- A. Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành.
- B. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- C. Văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành.
- D. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật.

Câu 7. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật bao gồm:

- A. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ tuổi thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.
- B. Là hành vi trái pháp luật.

C. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.

D. Người vi phạm phải có lỗi.

Câu 8. Pháp luật có vai trò như thế nào với công dân?

A. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.

B. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.

C. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.

D. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Câu 9. Pháp luật có mấy đặc trưng.

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 10. Người tham gia giao thông vượt đèn đỏ là thuộc loại vi phạm pháp luật:

A. Vi phạm dân sự và hành chính.

B. Vi phạm hành chính.

C. Vi phạm dân sự.

D. Vi phạm hình sự.

Câu 11. Người phải chịu trách nhiệm hành chính do mọi vi phạm hành chính mà mình gây ra theo quy định của pháp luật có độ tuổi là:

A. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

C. Từ 18 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 12. Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

A. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh.

B. Bình đẳng về quyền lao động.

C. Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh.

D. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Câu 13. Khái niệm pháp luật được hiểu là:

A. Quy tắc xử sự của một cộng đồng người.

B. Quy tắc xử sự của cơ quan nhà nước

C. Quy tắc xử sự, chỉ bắt buộc với một số người.

D. Quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung.

Câu 14. Chỉ ra đâu là văn bản quy phạm pháp luật:

A. Điều lệ Hội luật gia Việt Nam.

B. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

C. Nội quy nhà trường.

D. Luật Hôn nhân và Gia đình.

Câu 15. Pháp luật có đặc trưng là.

A. Bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội

B. Tính quy phạm phổ biến; Tính quyền lực bắt buộc chung và Tính ngắn gọn, chính xác.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính quy phạm phổ biến; Tính quyền lực bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 16. Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ với nhau vì:

A. Cả pháp luật và đạo đức đều thể hiện sự công minh, công bằng, lẽ phải.

B. Các quy tắc pháp luật cũng là các quy tắc đạo đức.

C. Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.

D. Cả pháp luật và đạo đức đều bảo vệ cái thiện, chống cái ác.

Câu 17. Trong các quy tắc sau đây, quy tắc nào là quy phạm pháp luật:

A. Phải biết kính trên, nhường dưới.

B. Phải biết yêu thương, giúp đỡ bạn bè.

C. Đến ngã tư, khi gặp đèn đỏ phải dừng lại.

D. Phải biết giúp đỡ người nghèo.

Câu 18. Cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là hình thức:

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật

C. Áp dụng pháp luật

D. Thi hành pháp luật

Câu 19. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là:

A. Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.

B. Công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định pháp luật.

C. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

D. Công dân dưới 18 tuổi không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 20. Ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác.

- A.** Tính khoa học của pháp luật. **B.** Tính thống nhất của pháp luật.
C. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật. **D.** Tính kế thừa của pháp luật.

Câu 21. Cá nhân tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là hình thức:

- A.** Thi hành pháp luật **B.** Tuân thủ pháp luật.
C. Sử dụng pháp luật **D.** Áp dụng pháp luật

Câu 22. Loại văn bản nào sau đây không mang tính pháp luật:

- A.** Nội quy. **B.** Pháp lệnh, Chỉ thị.
C. Hiến Pháp. **D.** Quyết định, thông tư.

Câu 23. Học sinh thực hiện quyền học tập của mình, cố gắng vươn lên trong học tập là thuộc hình thức:

- A.** Sử dụng pháp luật **B.** Áp dụng pháp luật
C. Tuân thủ pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật

Câu 24. Tìm phát biểu sai trong các câu sau:

- A.** Quản lý xã hội bằng pháp luật đảm bảo tính dân chủ, công bằng.
B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý xã hội.
C. Pháp luật được bảo đảm bằng quyền lực sức mạnh nhà nước.
D. Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật.

Câu 25. Người kinh doanh chủ động thực hiện nghĩa vụ đóng thuế là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A.** Sử dụng pháp luật **B.** Tuân thủ pháp luật.
C. Thi hành pháp luật **D.** Áp dụng pháp luật

Câu 26. Pháp luật là?

- A.** Là hệ thống quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.
B. Là hệ thống quy tắc xử sự được hình thành theo điều kiện từng địa phương.
C. Hệ thống văn bản, nghị định do các cấp ban hành.
D. Là những văn bản do nhà nước ban hành.

Câu 27. Cho biết bản Hiến pháp hiện tại của nước ta là bản Hiến pháp năm:

- A.** Năm 2013 **B.** Năm 2012
C. Năm 2014 **D.** Năm 2015

Câu 28. Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm tới.....

- A.** Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. **B.** Quan hệ lao động, công vụ nhà nước.
C. Tính mạng người khác. **D.** Sức khỏe của người khác.

Câu 29. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ăn bớt ngân sách của nhà nước là hành vi:

- A.** Tham nhũng. **B.** Lãng phí.
C. Thất thoát ngân sách. **D.** Tiết kiệm ngân sách.

Câu 30. Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn quyền (những việc pháp luật cho phép) là hình thức:

- A.** Áp dụng pháp luật **B.** Sử dụng pháp luật
C. Tuân thủ pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật

Câu 31. Quan điểm nào sau đây sai khi nói về: Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật:

- A.** Không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật.
B. Quy định quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp và luật
C. Những người vi phạm nếu cùng độ tuổi thì xử lý như nhau.
D. Tạo ra các điều kiện đảm bảo cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.

Câu 32. Có mấy hình thức thực hiện pháp luật.

- A.** 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 5

Câu 33. Vi phạm pháp luật được chia thành mấy loại?

- A.** 7 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 6

Câu 34. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ở Điều 34 có khẳng định chung "Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con. Điều này phù hợp với:

- A. Nguyên vọng của mọi công dân.
- B. Quy tắc xử sự trong đời sống.
- C. Chuẩn mực đời sống tình cảm, tinh thần của con người.
- D. Hiến pháp.

Câu 35. Điền vào chỗ trống: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành.....mà nhà nước là đại diện.

- A. Phù hợp nguyện vọng người lao động.
- B. Phù hợp với ý chí nguyện vọng của nhân dân.
- C. Phù hợp với các quy phạm đạo đức.
- D. Phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền.

Câu 36. Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở:

- A. Tính truyền thống.
- B. Tính hiện đại.
- C. Tính cơ bản.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 37. Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

- A. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.
- B. Quy định các hành vi không được làm.
- C. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm).
- D. Quy định các bổn phận của công dân.

Câu 38. Bản chất của pháp luật bao gồm.

- A. Bản chất tự nhiên.
- B. Bản chất tự nhiên và bản chất giai cấp.
- C. Bản chất xã hội.
- D. Bản chất giai cấp và bản chất xã hội.

Câu 39. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:

- A. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.
- B. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo.
- C. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần xã hội.
- D. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, địa vị xã hội.

Câu 40. Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thể hiện ý chí của:

- A. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- B. Giai cấp công nhân.
- C. Nhà nước.
- D. Cán bộ công chức nhà nước.

HẾT.

Sở GD-ĐT Vĩnh Long
Trường THPT Hoàng Thái Hữu

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT - Năm học 2016-2017
Môn: Giáo dục công dân 12
Thời gian làm bài : 45 phút(không kể thời gian giao đề)
(Đề gồm có 40 câu trắc nghiệm)

Họ và tên học sinh :Lớp:.....

Mã đề: 203

Câu 1	A	B	C	D	Câu 2	A	B	C	D	Câu 3	A	B	C	D	Câu 4	A	B	C	D
Câu 5	A	B	C	D	Câu 6	A	B	C	D	Câu 7	A	B	C	D	Câu 8	A	B	C	D
Câu 9	A	B	C	D	Câu 10	A	B	C	D	Câu 11	A	B	C	D	Câu 12	A	B	C	D
Câu 13	A	B	C	D	Câu 14	A	B	C	D	Câu 15	A	B	C	D	Câu 16	A	B	C	D
Câu 17	A	B	C	D	Câu 18	A	B	C	D	Câu 19	A	B	C	D	Câu 20	A	B	C	D
Câu 21	A	B	C	D	Câu 22	A	B	C	D	Câu 23	A	B	C	D	Câu 24	A	B	C	D
Câu 25	A	B	C	D	Câu 26	A	B	C	D	Câu 27	A	B	C	D	Câu 28	A	B	C	D
Câu 29	A	B	C	D	Câu 30	A	B	C	D	Câu 31	A	B	C	D	Câu 32	A	B	C	D
Câu 33	A	B	C	D	Câu 34	A	B	C	D	Câu 35	A	B	C	D	Câu 36	A	B	C	D
Câu 37	A	B	C	D	Câu 38	A	B	C	D	Câu 39	A	B	C	D	Câu 40	A	B	C	D

Câu 1. Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở:

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. B. Tính hiện đại.
C. Tính truyền thống. D. Tính cơ bản.

Câu 2. Tội buôn bán ma túy thuộc loại vi phạm pháp luật nào?

- A. Vi phạm hành chính B. Vi phạm dân sự và hành chính.
C. Vi phạm hình sự và hành chính D. Vi phạm hình sự

Câu 3. Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Bị xử phạt vi phạm hành chính. B. Vi phạm pháp luật hình sự.
C. Vi phạm pháp luật hành chính D. Vi phạm dân sự.

Câu 4. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở:

- A. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
B. Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.
C. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.
D. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.

Câu 5. Người tham gia giao thông vượt đèn đỏ là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A. Vi phạm hình sự. B. Vi phạm hành chính.
C. Vi phạm dân sự. D. Vi phạm dân sự và hành chính.

Câu 6. Cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là hình thức:

- A. Tuân thủ pháp luật. B. Thi hành pháp luật
C. Áp dụng pháp luật D. Sử dụng pháp luật

Câu 7. Có mấy hình thức thực hiện pháp luật.

- A. 2 B. 3 C. 5 D. 4

Câu 8. Trong các quy tắc sau đây, quy tắc nào là quy phạm pháp luật:

- A. Đến ngã tư, khi gặp đèn đỏ phải dừng lại. B. Phải biết yêu thương, giúp đỡ bạn bè.
C. Phải biết giúp đỡ người nghèo. D. Phải biết kính trên, nhường dưới.

Câu 9. Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

- A. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm).
B. Quy định các bổn phận của công dân.
C. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.
D. Quy định các hành vi không được làm.

Câu 10. Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn quyền (những việc pháp luật cho phép) là hình thức:

- A. Thi hành pháp luật
B. Tuân thủ pháp luật.
C. Áp dụng pháp luật
D. Sử dụng pháp luật

Câu 11. Ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác.

- A. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật.
B. Tính khoa học của pháp luật.
C. Tính kế thừa của pháp luật.
D. Tính thống nhất của pháp luật.

Câu 12. Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là:

- A. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
B. Từ đủ 18 tuổi trở lên.
C. Từ 14 tuổi trở lên.
D. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

Câu 13. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:

- A. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần xã hội.
B. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo.
C. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, địa vị xã hội.
D. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.

Câu 14. Bản chất của pháp luật bao gồm.

- A. Bản chất tự nhiên và bản chất giai cấp.
B. Bản chất xã hội.
C. Bản chất tự nhiên
D. Bản chất giai cấp và bản chất xã hội

Câu 15. Pháp luật có mấy đặc trưng.

- A. 3
B. 2
C. 4
D. 5

Câu 16. Cơ quan có quyền ban hành Hiến pháp, Luật.

- A. Thủ tướng.
B. Chủ tịch nước
C. Quốc hội
D. Chính phủ

Câu 17. Học sinh thực hiện quyền học tập của mình, cố gắng vươn lên trong học tập là thuộc hình thức:

- A. Tuân thủ pháp luật.
B. Sử dụng pháp luật
C. Áp dụng pháp luật
D. Thi hành pháp luật

Câu 18. Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm tới.....

- A. Quan hệ lao động, công vụ nhà nước.
B. Sức khỏe của người khác.
C. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.
D. Tính mạng người khác.

Câu 19. Công dân bình đẳng trước pháp luật là:

A. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

B. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

C. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

D. Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

Câu 20. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ở Điều 34 có khẳng định chung "Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con. Điều này phù hợp với:

- A. Chuẩn mực đời sống tình cảm, tinh thần của con người.
B. Hiến pháp.
C. Nguyên vọng của mọi công dân.
D. Quy tắc xử sự trong đời sống.

Câu 21. Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thể hiện ý chí của:

- A. Nhà nước.
B. Cán bộ công chức nhà nước.
C. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
D. Giai cấp công nhân.

Câu 22. Chỉ ra đâu là văn bản quy phạm pháp luật:

- A. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
B. Luật Hôn nhân và Gia đình.
C. Điều lệ Hội luật gia Việt Nam.
D. Nội quy nhà trường.

Câu 23. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ăn bớt ngân sách của nhà nước là hành vi:

- A. Lãng phí.
B. Tham nhũng.

- C. Thất thoát ngân sách. D. Tiết kiệm ngân sách.

Câu 24. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật bao gồm:

- A. Người vi phạm phải có lỗi.
B. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ tuổi thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.
C. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.
D. Là hành vi trái pháp luật.

Câu 25. Vi phạm pháp luật được chia thành mấy loại?

- A. 7 B. 2 C. 6 D. 4

Câu 26. Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ với nhau vì:

- A. Cả pháp luật và đạo đức đều bảo vệ cái thiện, chống cái ác.
B. Cả pháp luật và đạo đức đều thể hiện sự công minh, công bằng, lẽ phải.
C. Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.
D. Các quy tắc pháp luật cũng là các quy tắc đạo đức.

Câu 27. Một cán bộ xã tự ý nghỉ việc 5 ngày không báo cho cơ quan là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A. Vi phạm dân sự và hành chính. B. Vi phạm hành chính
C. Vi phạm kỉ luật và hành chính D. Vi phạm kỉ luật

Câu 28. Cá nhân tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là hình thức:

- A. Sử dụng pháp luật B. Áp dụng pháp luật
C. Thi hành pháp luật D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 29. Điền vào chỗ trống: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành.....mà nhà nước là đại diện.

- A. Phù hợp với ý chí nguyện vọng của nhân dân. B. Phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền.
C. Phù hợp nguyện vọng người lao động. D. Phù hợp với các quy phạm đạo đức.

Câu 30. Hành vi bịa đặt nói xấu, xúc phạm danh dự của người khác là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A. Vi phạm kỉ luật và hành chính. B. Vi phạm dân sự.
C. Vi phạm hình sự. D. Vi phạm hành chính.

Câu 31. Người kinh doanh chủ động thực hiện nghĩa vụ đóng thuế là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Thi hành pháp luật. B. Áp dụng pháp luật.
C. Tuân thủ pháp luật. D. Sử dụng pháp luật.

Câu 32. Pháp luật có vai trò như thế nào với công dân?

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
B. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.
C. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
D. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.

Câu 33. Khi thuê nhà của ông T, ông A đã tự ý sửa chữa, cải tạo mà không hỏi ý kiến của ông T. Hành vi này của ông A là hành vi vi phạm:

- A. Kỉ luật. B. Hành chính.
C. Dân sự. D. Hình sự.

Câu 34. Văn bản nào dưới đây là văn bản quy phạm pháp luật:

- A. Văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành.
B. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật.
C. Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành.
D. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Câu 35. Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

- A. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh. B. Bình đẳng về quyền lao động.
C. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý. D. Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh.

Câu 36. Loại văn bản nào sau đây không mang tính pháp luật:

- | | |
|---------------------------------|-------------------------------|
| A. Quyết định, thông tư. | B. Hiến Pháp. |
| C. Nội quy. | D. Pháp lệnh, Chỉ thị. |

Câu 37. Bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện công dân bình đẳng về:

- | | |
|----------------------------------|--------------------------------|
| A. trách nhiệm xã hội. | B. trách nhiệm kinh tế. |
| C. trách nhiệm chính trị. | D. Trách nhiệm pháp lý. |

Câu 38. Tìm phát biểu sai trong các câu sau:

- A.** Quản lý xã hội bằng pháp luật đảm bảo tính dân chủ, công bằng.
- B.** Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý xã hội.
- C.** Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật.
- D.** Pháp luật được bảo đảm bằng quyền lực sức mạnh nhà nước.

Câu 39. Cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt người điều khiển xe máy chạy quá tốc độ là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------|
| A. Tuân thủ pháp luật. | B. Áp dụng pháp luật |
| C. Thi hành pháp luật | D. Sử dụng pháp luật |

Câu 40. Khái niệm pháp luật được hiểu là:

- | | |
|---|---|
| A. Qui tắc xử sự, chỉ bắt buộc với một số người. | B. Qui tắc xử sự của cơ quan nhà nước |
| C. Qui tắc xử sự của một cộng đồng người. | D. Qui tắc xử sự có tính bắt buộc chung. |

HẾT.

Sở GD-ĐT Vĩnh Long
Trường THPT Hoàng Thái Hữu

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT - Năm học 2016-2017
Môn: Giáo dục công dân 12
Thời gian làm bài : 45 phút(không kể thời gian giao đề)
(Đề gồm có 40 câu trắc nghiệm)

Họ và tên học sinh :Lớp:.....

Mã đề: 237

Câu 1	A	B	C	D	Câu 2	A	B	C	D	Câu 3	A	B	C	D	Câu 4	A	B	C	D
Câu 5	A	B	C	D	Câu 6	A	B	C	D	Câu 7	A	B	C	D	Câu 8	A	B	C	D
Câu 9	A	B	C	D	Câu 10	A	B	C	D	Câu 11	A	B	C	D	Câu 12	A	B	C	D
Câu 13	A	B	C	D	Câu 14	A	B	C	D	Câu 15	A	B	C	D	Câu 16	A	B	C	D
Câu 17	A	B	C	D	Câu 18	A	B	C	D	Câu 19	A	B	C	D	Câu 20	A	B	C	D
Câu 21	A	B	C	D	Câu 22	A	B	C	D	Câu 23	A	B	C	D	Câu 24	A	B	C	D
Câu 25	A	B	C	D	Câu 26	A	B	C	D	Câu 27	A	B	C	D	Câu 28	A	B	C	D
Câu 29	A	B	C	D	Câu 30	A	B	C	D	Câu 31	A	B	C	D	Câu 32	A	B	C	D
Câu 33	A	B	C	D	Câu 34	A	B	C	D	Câu 35	A	B	C	D	Câu 36	A	B	C	D
Câu 37	A	B	C	D	Câu 38	A	B	C	D	Câu 39	A	B	C	D	Câu 40	A	B	C	D

Câu 1. Cho biết bản Hiến pháp hiện tại của nước ta là bản Hiến pháp năm:

- A. Năm 2013
B. Năm 2012
C. Năm 2015
D. Năm 2014

Câu 2. Điền vào chỗ trống: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành.....mà nhà nước là đại diện.

- A. Phù hợp nguyện vọng người lao động.
B. Phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền.
C. Phù hợp với các quy phạm đạo đức.
D. Phù hợp với ý chí nguyện vọng của nhân dân.

Câu 3. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ăn bớt ngân sách của nhà nước là hành vi:

- A. Thất thoát ngân sách.
B. Lãng phí.
C. Tiết kiệm ngân sách.
D. Tham nhũng.

Câu 4. Quan điểm nào sau đây sai khi nói về: Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật:

- A. Tạo ra các điều kiện đảm bảo cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.
B. Những người vi phạm nếu cùng độ tuổi thì xử lý như nhau.
C. Quy định quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp và luật
D. Không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Câu 5. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:

- A. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, địa vị xã hội.
B. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo.
C. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.
D. Dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần xã hội.

Câu 6. Khi thuê nhà của ông T, ông A đã tự ý sửa chữa, cải tạo mà không hỏi ý kiến của ông T. Hành vi này của ông A là hành vi vi phạm:

- A. Hành chính.
B. Hình sự.
C. Kỉ luật.
D. Dân sự.

Câu 7. Có mấy hình thức thực hiện pháp luật.

- A. 4
B. 5
C. 2
D. 3

Câu 8. Hành vi bịa đặt nói xấu, xúc phạm danh dự của người khác là thuộc loại vi phạm pháp luật:

- A. Vi phạm kỉ luật và hành chính.
B. Vi phạm hành chính.
C. Vi phạm hình sự.
D. Vi phạm dân sự.

Câu 9. Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

- A. Quy định các bổn phận của công dân.
B. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.

C. Quy định các hành vi không được làm.

D. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm).

Câu 10. Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm tới.....

A. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

B. Tính mạng người khác.

C. Sức khỏe của người khác.

D. Quan hệ lao động, công vụ nhà nước.

Câu 11. Văn bản nào dưới đây là văn bản quy phạm pháp luật:

A. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

B. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật.

C. Văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành.

D. Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành.

Câu 12. Người tham gia giao thông vượt đèn đỏ là thuộc loại vi phạm pháp luật:

A. Vi phạm dân sự.

B. Vi phạm dân sự và hành chính.

C. Vi phạm hành chính.

D. Vi phạm hình sự.

Câu 13. Một cán bộ xã tự ý nghỉ việc 5 ngày không báo cho cơ quan là thuộc loại vi phạm pháp luật:

A. Vi phạm kỉ luật và hành chính

B. Vi phạm dân sự và hành chính.

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỉ luật

Câu 14. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật bao gồm:

A. Là hành vi trái pháp luật.

B. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.

C. Người vi phạm phải có lỗi.

D. Là hành vi trái pháp luật; do người đủ tuổi thực hiện; người vi phạm phải có lỗi.

Câu 15. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là:

A. Công dân ở bất kì độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.

B. Công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định pháp luật.

C. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

D. Công dân dưới 18 tuổi không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 16. Cá nhân tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là hình thức:

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật

C. Áp dụng pháp luật

D. Thi hành pháp luật

Câu 17. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ở Điều 34 có khẳng định chung "Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con. Điều này phù hợp với:

A. Nguyên vọng của mọi công dân.

B. Hiến pháp.

C. Chuẩn mực đời sống tình cảm, tinh thần của con người.

D. Quy tắc xử sự trong đời sống.

Câu 18. Ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác.

A. Tính thống nhất của pháp luật.

B. Tính kế thừa của pháp luật.

C. Tính khoa học của pháp luật.

D. Tính quy phạm phổ biến của pháp luật.

Câu 19. Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn quyền (những việc pháp luật cho phép) là hình thức:

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật

C. Sử dụng pháp luật

D. Áp dụng pháp luật

Câu 20. Bản chất của pháp luật bao gồm.

A. Bản chất xã hội.

B. Bản chất tự nhiên

C. Bản chất giai cấp và bản chất xã hội

D. Bản chất tự nhiên và bản chất giai cấp.

Câu 21. Tìm phát biểu sai trong các câu sau:

A. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý xã hội.

B. Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật.

- C. Pháp luật được bảo đảm bằng quyền lực sức mạnh nhà nước.
- D. Quản lý xã hội bằng pháp luật đảm bảo tính dân chủ, công bằng.

Câu 22. Cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt người điều khiển xe máy chạy quá tốc độ là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 23. Pháp luật có đặc trưng là.

- A. Tính quy phạm phổ biến; Tính quyền lực bắt buộc chung và Tính ngắn gọn, chính xác.
- B. Bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quy phạm phổ biến; Tính quyền lực bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về mặt

hình thức.

Câu 24. Tòa án xét xử các vụ án sản xuất hàng giả không phụ thuộc vào người bị xét xử là ai, giữ chức vụ gì. Điều này thể hiện quyền bình đẳng nào của công dân?

- A. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- B. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh.
- C. Bình đẳng về quyền lao động.
- D. Bình đẳng về quyền tự chủ trong kinh doanh.

Câu 25. Loại văn bản nào sau đây không mang tính pháp luật:

- A. Hiến Pháp.
- B. Quyết định, thông tư.
- C. Nội quy.
- D. Pháp lệnh, Chỉ thị.

Câu 26. Người phải chịu trách nhiệm hành chính do mọi vi phạm hành chính mà mình gây ra theo quy định của pháp luật có độ tuổi là:

- A. Từ 18 tuổi trở lên.
- B. Từ đủ 14 tuổi trở lên.
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 27. Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ với nhau vì:

- A. Các quy tắc pháp luật cũng là các quy tắc đạo đức.
- B. Cả pháp luật và đạo đức đều thể hiện sự công minh, công bằng, lẽ phải.
- C. Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.
- D. Cả pháp luật và đạo đức đều bảo vệ cái thiện, chống cái ác.

Câu 28. Pháp luật có vai trò như thế nào với công dân?

- A. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
- B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- C. Bảo vệ mọi lợi ích của công dân.
- D. Bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.

Câu 29. Khái niệm pháp luật được hiểu là:

- A. Quy tắc xử sự của một cộng đồng người.
- B. Quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung.
- C. Quy tắc xử sự của cơ quan nhà nước
- D. Quy tắc xử sự, chỉ bắt buộc với một số người.

Câu 30. Công dân bình đẳng trước pháp luật là:

A. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

B. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

- C. Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.
- D. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

Câu 31. Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở:

A. Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.

B. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.

C. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

D. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.

Câu 32. Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thể hiện ý chí của:

- A. Nhà nước.
- B. Cán bộ công chức nhà nước.
- C. Giai cấp công nhân.
- D. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Câu 33. Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Bị xử phạt vi phạm hành chính. B. Vi phạm pháp luật hành chính.
C. Vi phạm dân sự. D. Vi phạm pháp luật hình sự.

Câu 34. Bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện công dân bình đẳng về:

- A. trách nhiệm xã hội. B. trách nhiệm chính trị.
C. Trách nhiệm pháp lý. D. trách nhiệm kinh tế.

Câu 35. Vi phạm pháp luật được chia thành mấy loại?

- A. 4 B. 6 C. 7 D. 2

Câu 36. Tội buôn bán ma túy thuộc loại vi phạm pháp luật nào?

- A. Vi phạm hình sự B. Vi phạm hành chính
C. Vi phạm hình sự và hành chính D. Vi phạm dân sự và hành chính.

Câu 37. Người kinh doanh chủ động thực hiện nghĩa vụ đóng thuế là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Thi hành pháp luật B. Sử dụng pháp luật
C. Áp dụng pháp luật D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 38. Cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là hình thức:

- A. Áp dụng pháp luật B. Tuân thủ pháp luật.
C. Thi hành pháp luật D. Sử dụng pháp luật

Câu 39. Một trong các đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện ở:

- A. Tính cơ bản. B. Tính hiện đại.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. D. Tính truyền thống.

Câu 40. Pháp luật có mấy đặc trưng.

- A. 4 B. 5 C. 2 D. 3

HẾT.

Đáp án mã đề: 135

01. C; 02. D; 03. C; 04. C; 05. C; 06. D; 07. B; 08. B; 09. C; 10. B; 11. D; 12. D; 13. D; 14. A; 15. B;
16. B; 17. A; 18. D; 19. A; 20. D; 21. B; 22. D; 23. C; 24. C; 25. A; 26. D; 27. B; 28. A; 29. A; 30. B;
31. B; 32. B; 33. A; 34. C; 35. A; 36. A; 37. D; 38. C; 39. A; 40. C;

Đáp án mã đề: 169

01. B; 02. C; 03. C; 04. A; 05. D; 06. B; 07. C; 08. D; 09. B; 10. B; 11. B; 12. D; 13. D; 14. D; 15. D;
16. C; 17. C; 18. A; 19. B; 20. C; 21. C; 22. A; 23. A; 24. B; 25. C; 26. A; 27. A; 28. A; 29. A; 30. B;
31. C; 32. B; 33. B; 34. D; 35. D; 36. D; 37. C; 38. D; 39. A; 40. A;

Đáp án mã đề: 203

01. A; 02. D; 03. B; 04. C; 05. B; 06. A; 07. D; 08. A; 09. A; 10. D; 11. A; 12. A; 13. D; 14. D; 15. A;
16. C; 17. B; 18. C; 19. C; 20. B; 21. C; 22. B; 23. B; 24. C; 25. D; 26. C; 27. D; 28. A; 29. B; 30. B;
31. A; 32. A; 33. C; 34. D; 35. C; 36. C; 37. D; 38. B; 39. B; 40. D;

Đáp án mã đề: 237

01. A; 02. B; 03. D; 04. B; 05. C; 06. D; 07. A; 08. D; 09. D; 10. A; 11. A; 12. C; 13. D; 14. B; 15. B;
16. B; 17. B; 18. D; 19. C; 20. C; 21. A; 22. B; 23. D; 24. A; 25. C; 26. C; 27. C; 28. B; 29. B; 30. A;
31. C; 32. D; 33. D; 34. C; 35. A; 36. A; 37. A; 38. B; 39. C; 40. D;